

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 249 /TB-UBND

Việt Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2021

**THÔNG BÁO**

**Thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư thôn Thượng Phúc,  
xã Tăng Tiến (giai đoạn 3), huyện Việt Yên**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND, ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh; Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND, ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án; công trình trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất; Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác năm 2021; Văn bản số 251/HĐND-CTHĐND ngày 03/6/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận dự án cần thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Việt Yên; Quyết định 119/QĐ-UBND ngày 05/2/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Việt Yên; Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Việt Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 04/02/2021 của UBND huyện Việt Yên về Kế hoạch thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Việt Yên năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 3930/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 về việc phê duyệt dự án Khu dân cư Thượng Phúc, xã Tăng Tiến (Giai đoạn 3), huyện Việt Yên;

Theo đề nghị tại Công văn số 264/TNMT ngày 30/7/2021 của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,

Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên thông báo như sau:

**1. Thu hồi đất:**

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: **30.009,1 m<sup>2</sup>** (Bằng chữ: Ba mươi nghìn, không trăm linh chín phẩy một mét vuông);

- Địa điểm: Tại khu Bờ Xa, Cửa Giữa, Cửa Nghè, Đồng Nghè, thôn Thượng Phúc, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên;

- Tổng số hộ bị thu hồi đất, ảnh hưởng bởi dự án: 112 hộ gia đình, cá nhân; 01 tổ chức (UBND xã Tăng Tiến);

- Loại đất dự kiến thu hồi:

+ Đất nông nghiệp: Đất trồng cây hàng năm (LUC, BHK);

+ Đất phi nông nghiệp: Đất giao thông, đất nghĩa địa, đất thể thao, đất công cộng khác (DTT, DGT, NTD, DCK).

(Kèm theo danh sách chi tiết bao gồm: Tên chủ sử dụng đất; Loại đất; Diện tích thửa đất; Bản đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính)

**2. Lý do thu hồi đất:** Thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu dân cư thôn Thượng Phúc, xã Tăng Tiến (Giai đoạn 3).

**3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:**

Trong thời gian: Kể từ ngày ban hành Thông báo thu hồi đất.

4. Chủ đầu tư và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Tăng Tiến, Đơn vị tư vấn lập hồ sơ GPMB thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB. Trường hợp các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- CT TNHH TN&MT Hoàng Minh (05 bản);
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Bách

Số: 10 /2019/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư  
khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 353/TTr-TNMT ngày 13 tháng 5 năm 2019.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 và thay thế Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định một số điểm cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

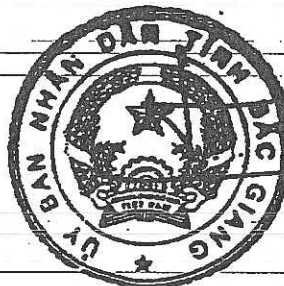
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Bắc Giang;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của Đảng, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- CA tỉnh, Bộ CHQS tỉnh, TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- Cục Thuế Bắc Giang, Kho bạc NN Bắc Giang;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, TN.Thống (5).

**Bản điện tử:**

- Báo Bắc Giang, Đài PT và TH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng chuyên viên;
- + TT. Thông tin (đăng tải).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn

# CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỐI VỚI XÃ TRUNG DU)

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND tỉnh Bắc Giang ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang

## A. Đối với đất nông nghiệp

### I. Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của hộ gia đình sử dụng ổn định

1. Bồi thường về đất:  $50.000đ/m^2$  (đối với xã).
2. Bồi thường hoa màu trên đất là cây trồng hàng năm:  $9.500đ/m^2$
3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất:  $10.000đ/m^2$
4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất là:  
 $50.000đ/m^2 \times 3 \text{ lần} = 150.000đ/m^2$ .

Tổng trên  $1,0 m^2$  đất =  $50.000đ + 9.500đ + 10.000đ + 150.000đ = 219.500đ$

Tương ứng với 1 sào bắc bộ ( $360,0 m^2$ ) =  $79.020.000 đ$

### II. Đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình sử dụng ổn định

1. Bồi thường về đất:  $38.000đ/m^2$  (đối với xã Trung du).
2. Bồi thường tài sản trong trường hợp là ao, hồ nuôi cá chuyên canh (chưa đến thời kỳ thu hoạch và không có ao để di chuyển):  $13.700đ/m^2$
3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất:  $10.000đ/m^2$
4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất là:  
 $38.000đ/m^2 \times 3 \text{ lần} = 114.000đ/m^2$ .

Tổng trên  $1,0 m^2$  đất =  $38.000đ + 13.700đ + 10.000đ + 114.000đ = 175.700đ$

Tương ứng với 1 sào bắc bộ ( $360,0 m^2$ ) =  $63.252.000 đ$

### III. Hỗ trợ khác với đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản sản giao ổn định lâu dài

#### 1. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (Khuyến khích tiền độ bàn giao mặt bằng).

- Hộ gia đình, các nhân có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ hoặc chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ (có lý do chính đáng được UBND cấp xã xác nhận) và bàn giao mặt bằng trong thời gian 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận tiền ghi tại thông báo chi trả tiền của UBND cấp huyện hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì được hỗ trợ với mức  $40.000$  đồng/ $m^2$ . Tổng trên 1 sào =  $360,0 \times 40.000 đ = 14.400.000đ$

~~Tổng cả đền bù hỗ trợ/1 sào đất nông nghiệp trồng cây hàng năm =  $79.020.000 đ + 14.400.000đ = 93.420.000đ$~~

Tổng cả đền bù hỗ trợ/1 sào đất nuôi trồng thủy sản =  $63.252.000 đ + 14.400.000đ = 77.652.000đ$

Nếu nhận tiền từ ngày thứ 21 đến ngày 30 thì kính phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm giảm 50% còn  $20.000đ/m^2$

#### - Chú ý

+ Các trường hợp nhận tiền và bàn giao mặt bằng sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận tiền ghi tại Thông báo chi trả tiền của UBND cấp huyện hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì không được hỗ trợ.

+ Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận hỗ trợ theo quy định tại điểm trên mà bị cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm kê bắt buộc theo Điều 23 Quy định số 10/2019/QĐ/UBND tỉnh Bắc Giang ngày 21/5/2019. Thì được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ tương ứng.

**Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề theo quy định sau:**

- Thu hồi trên 70% diện tích của một định xuất giao ruộng thì được hỗ trợ đào tạo nghề 01 lao động (được cộng gộp các Quyết định thu hồi đất trước đó chưa được hỗ trợ).

- Kinh phí hỗ trợ: 3.500.000 đồng/lao động.

**B: BỒI THƯỜNG DI CHUYỂN MỘ MẢ**

1. Chi phí đào, bốc:

- Mộ chưa cải táng (mộ dài): 5.000.000 đồng/mộ.

- Mộ đã cải táng: 2.000.000 đồng/mộ;

2. Chi phí di chuyển mộ: 2.000.000 đồng/mộ

3. Chi phí xây dựng mộ mới: Chi phí xây dựng mới là chi phí thực tế tại thời điểm xây mộ do UBND cấp huyện quyết định tại thời điểm phê duyệt.

4. Chi phí cho việc bố trí đất đai, đầu tư xây dựng hạ tầng để đặt mộ: 2.000.000 đồng/mộ;

a. Trường hợp mộ được di chuyển vào nghĩa trang, nghĩa địa của địa phương thì chi phí đất đai, hạ tầng tương ứng với số mộ di chuyển được trả cho địa phương có nghĩa trang, nghĩa địa:

b. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân là chủ mộ tự bố trí đất để nhận mộ khoản chi phí đất đai, hạ tầng trên được trả cho hộ gia đình, cá nhân.

5. Bồi thường các khoản chi phí hợp lý khác để di chuyển mộ như sau:

- Đối với mộ vô chủ: 500.000 đồng/mộ;

- Đối với các trường hợp khác: 1.500.000 đồng/mộ.

6. Hỗ trợ 5.000.000 đồng/mộ đối với hộ gia đình, cá nhân nhận tiền và di chuyển mộ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận tiền ghi tại thông báo chi trả tiền của UBND cấp huyện hoặc tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB.

Số: 3930 /QĐ-UBND

Việt Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt dự án: Khu dân cư Thượng Phúc xã Tăng Tiến  
(giai đoạn 3), huyện Việt Yên

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 1875/SXD-QLXD ngày 20/7/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Khu dân cư Thượng Phúc xã Tăng Tiến (giai đoạn 3), huyện Việt Yên;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 265/TTr-KTHT ngày 20/7/2021 của Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Việt Yên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Khu dân cư Thượng Phúc xã Tăng Tiến (giai đoạn 3), huyện Việt Yên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khu dân cư Thượng Phúc xã Tăng Tiến (giai đoạn 3), huyện Việt Yên.

2. Người Quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Việt Yên.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Việt Yên.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu xây dựng: Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy hoạch chung được phê duyệt; hình thành khu dân cư, gắn kết hài hoà với các

khu vực dân cư hiện có. Qua đó tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

#### 4.2. Quy mô đầu tư xây dựng

Quy mô xây dựng: Quy mô, nội dung xây dựng: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trên khu đất có diện tích khoảng 03 ha, bao gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, đường ống chờ hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh...

4.2.1. San nền: Với diện tích san nền khoảng 1,3 ha, san nền bằng đất cấp III, với hệ số đầm chặt  $K \geq 0,85$ , Cao độ san nền khớp nối phù hợp với cốt mép vỉa hè đường giao thông.

#### 4.2.2. Đường giao thông:

##### a) Thiết kế bình đồ, trắc dọc:

Bình đồ, trắc dọc thiết kế tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường thiết kế và kết nối êm thuận với các tuyến đường trong khu vực, gồm các tuyến:

- Tuyến 2 (Từ Cọc 10A, nút N16 đến Cọc 12): Chiều dài tuyến khoảng 58.13m từ Cọc 10A, nút N16 đến Cọc 12 với cao độ thiết kế tương ứng là +4.21m và +4.25m, +4.43m.

- Tuyến 5 (Từ Cọc 14A đến nút N7A): Chiều dài tuyến khoảng 52.18m từ Cọc 14A đến nút N7A với cao độ thiết kế tương ứng là +4.19m và +4.00m.

- Tuyến 7 (từ Cọc 6-N2 đến Cọc 20): Chiều dài tuyến khoảng 158.22m từ Cọc 6-N2 đến Cọc 20 với cao độ thiết kế tương ứng không thay đổi là +4.50m.

- Tuyến 8 (từ nút N18 - N19 - N2 - N7A đến Cọc G8A-1): Chiều dài tuyến khoảng 237.50m, từ nút N18 - N19 - N2 - N7A đến Cọc G8A-1 với cao độ thiết kế tương ứng là +4.10m và +4.25m, +4.50m, +4.00m, +4.00m.

- Tuyến 9 (từ nút N16 - N19 đến nút N17): Chiều dài tuyến khoảng 268.83m, từ nút N16 - N19 đến nút N17 với cao độ thiết kế tương ứng không thay đổi là +4.25m.

- Tuyến 10 (từ Cọc H1 đến nút N18): Chiều dài tuyến khoảng 26.62m, từ Cọc H1 đến nút N18 với cao độ thiết kế tương ứng là +4.08 m và +4.10m.

##### b) Thiết kế mặt cắt ngang: Dự án được thiết kế với các loại mặt cắt sau:

- Tuyến 7 từ Cọc 6 - N2 đến Cọc 20 (Mặt cắt 1-1): Nền đường rộng  $B_n=27m$ ; Mặt đường rộng  $B_{mặt}=15m$  trong đó rãnh biên 2 bên  $B_r=2 \times 0,3m$ ; Hè đường thiết kế 2 bên rộng  $B_h=2 \times 6m=12m$ .

- Tuyến 9 từ nút N16 - N19 đến nút N17 và từ Cọc H1 đến nút N18 (Mặt cắt (2-2): Nền đường rộng  $B_n=20m$ ; Mặt đường rộng  $B_{mặt}=8.0m$ ; hè đường thiết kế 2 bên rộng  $B_h=2 \times 6m=12m$ .



- Tuyến 2 từ Cọc 10A - nút N16 đến Cọc 12, tuyến 5 từ Cọc 14A đến nút N7A và Tuyến 8 từ nút N18 -N19 đến nút N2 (Mặt cắt 3-3): Nền đường rộng  $B_n=19.5\text{m}$ ; Mặt đường rộng  $B_{\text{mặt}}=7.5\text{m}$  trong đó rãnh biên 2 bên  $B_r=2 \times 0,3\text{m}$ ; Hệ đường thiết kế 2 bên rộng  $B_h=2 \times 6\text{m}=12\text{m}$ .

- Tuyến 8 từ nút N2 - N7A đến Cọc G8A-1 (Mặt cắt 3A-A): Nền đường rộng  $B_n=16.5\text{m}$ ; Mặt đường rộng  $B_{\text{mặt}}=7.5\text{m}$ ; hệ đường thiết kế bên trái rộng  $B_{\text{hè trái}}=3\text{m}$ , hệ đường thiết kế bên phải rộng  $B_{\text{hè phải}}=6\text{m}$ .

- Độ dốc ngang mặt đường:  $i_m=2\%$ ; độ dốc ngang hệ đường  $i_h=1,5\%$ .

c) Nền đường, kết cấu áo đường: Thiết kế áo đường giao thông: Với đường khu vực (tuyến 7)  $E_{yc}=158\text{Mpa}$ , với đường nội bộ (các tuyến còn lại)  $E_{yc}=120\text{Mpa}$ .

+ Nền đường: Vật liệu đắp bằng đất cấp III, độ chặt yêu cầu  $K=0,95$ , riêng 50cm sát đáy móng áo đường yêu cầu độ chặt  $K=0,98$ .

+ Kết cấu áo đường loại 1 (đường khu vực) gồm các lớp từ trên xuống như sau: Bê tông nhựa chặt 12.5 dày 5cm, Bê tông nhựa chặt 19.0 dày 7cm, cấp phối đá dăm loại I dày 17cm, cấp phối đá dăm loại II dày 30cm; liên kết giữa hai lớp bê tông nhựa chặt tưới nhựa dính bám  $0,5\text{kg/m}^2$ ; liên kết giữa lớp bê tông nhựa chặt và cấp phối đá dăm loại I tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn  $1,0\text{kg/m}^2$ .

+ Kết cấu áo đường loại 2 (đường nội bộ) gồm các lớp từ trên xuống như sau: Bê tông nhựa chặt 12.5 dày 7cm, cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, cấp phối đá dăm loại II dày 25cm; liên kết giữa lớp bê tông nhựa chặt và cấp phối đá dăm loại I tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn  $1,0\text{kg/m}^2$ .

d) Hệ đường: Đất đắp độ chặt K90, đất cấp III, độ dốc ngang mặt hè  $1,5\%$ ; hướng dốc thoát nước ra phía đén rãnh của đường.

e) Bó vỉa: Bó vỉa hệ đường sử dụng tấm BTXM đúc sẵn kích thước  $26 \times 23 \times 100\text{cm}$  (đoạn cong sử dụng bó vỉa kích thước  $26 \times 23 \times 50\text{cm}$ ); móng bó vỉa bê tông xi măng dày 10cm; rãnh biên BTXM rộng 30cm. Hệ đường nền đất đầm chặt  $K=0,9$ .

g) Rãnh biên: Bê tông mác 250# có độ dốc dọc điều chỉnh theo hệ thống thu nước mặt đường.

h) An toàn giao thông: Thiết kế hoàn chỉnh hệ thống an toàn và tổ chức giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

#### 4.2.3. Hệ thống cấp điện:

- Đường dây 0,4kV sinh hoạt: Nguồn cấp điện được lấy từ trạm biến áp công suất  $2 \times 630\text{kVA}-35(22)/0,4\text{kV}$  được đầu tư giai đoạn khác, cấp cấp điện hạ áp thiết kế cáp ngầm lõi đồng Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-0,6/1kV tiết diện cáp  $3 \times 150 + 1 \times 120 \text{ mm}^2$ ;  $3 \times 120 + 1 \times 95 \text{ mm}^2$ ;  $3 \times 95 + 1 \times 70 \text{ mm}^2$ ;  $3 \times 70 + 1 \times 50$ ,  $3 \times 50 + 1 \times 35 \text{ mm}^2$ .

- Thiết kế ống chờ HDPE D130/100mm trên hè, ống qua đường dùng ống U.PVC D140mm từ trạm biến áp của dự án liền cạnh để đấu nối cho trạm biến áp được đầu tư giai đoạn sau.

- Điện chiếu sáng: Nguồn cấp điện chiếu sáng được lấy từ tủ điện chiếu sáng hiện có của giai đoạn khác, dây điện chiếu sáng thiết kế cáp ngầm chiếu sáng Cu/XLPE/DSTA/PVC (3x16+1x10)mm<sup>2</sup> đi trong ống nhựa HDPE và đặt trong rãnh cáp. Đối với tuyến đường có chiều rộng lòng đường từ 7,0 - 8,0m thiết kế cột đèn chiếu sáng lắp trên một bên vỉa hè, cột đèn thép bát giác cần rời mạ kẽm nhúng nóng cao 8m (gồm cột đèn cao 6m + cần đèn cao 2m); các tuyến đường có chiều rộng lòng đường 15m thiết kế cột đèn chiếu sáng lắp trên vỉa hè đối xứng 2 bên sử dụng cột thép bát giác cao 10m (gồm cột đèn cao 8m + cần đèn cao 2m), tay vịn 1,5m; khoảng cách trung bình giữa các cột đèn từ 30 đến 35m; bóng đèn cao áp 100W, 120W/220V.

#### 4.2.4. Hệ thống cấp nước và PCCC:

Nguồn nước sạch cấp cho dự án được đầu vào đường ống cấp nước HDPE D110 hiện trạng. Đường ống cấp nước của dự án sử dụng ống HDPE DN110 và DN63, được đặt trên hè đường, các đoạn qua đường được lồng trong ống thép để bảo vệ ống (Hạng mục cấp nước do doanh nghiệp được phân vùng cấp nước thực hiện đầu tư xây dựng).

#### 4.2.5. Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải, thoát nước theo chế độ tự chảy.

- Hệ thống thoát nước mưa thiết kế công tròn bê tông cốt thép ly tâm D400, D600, D1000 và công hộp BTCT BxH=1.2x1.2m, BxH=1.6x1.6m. Công tròn đặt nằm trên đế công bằng BTCT, công hộp đặt trên lớp đá dăm đệm. Hệ thống thoát nước mưa dẫn nước ra ngoài dự án và chảy vào kênh thoát nước theo quy hoạch.

- Hồ ga có chiều sâu  $H \leq 2.0m$ , kết cấu xây gạch BTKN mác 100, vữa xi măng, móng hồ ga bằng BTXM dày 15cm, đệm móng bằng đá dăm dày 10cm.

- Hồ ga có chiều sâu  $H > 2.0m$ , kết cấu bằng BTCT.

- Nắp hồ ga trên hè thiết kế tấm đan bê tông cốt thép đúc sẵn; nắp hồ ga dưới lòng đường thiết kế tấm Composite.

#### 4.2.6. Hệ thống thoát nước thải:

Thiết kế rãnh B400 xây gạch BTKN mác 100 vữa xi măng thoát nước thải sau các lô đất và đấu nối với hệ thống thoát nước thải bằng ống BTCT D300 trên hè tuyến đường giao thông, nước thải được thu gom và xử lý qua bể lắng xử lý nước thải sơ bộ sau đó tạm thời chảy vào mương hiện trạng để chờ đấu nối với hệ thống thoát nước thải được thực hiện giai đoạn sau theo quy hoạch. Hồ ga thoát nước thải có kết cấu: Móng bê tông xi măng dày 15cm, dưới đệm đá dăm dày 10cm, tường xây gạch bê tông không nung mác 100, vữa xi măng, đập tấm đan BTCT.

#### 4.2.7. Hệ thống thông tin liên lạc:

Đầu tư hệ thống đường ống thông tin gồm đường ống và hố ga chờ sẵn đường dây thông tin, viễn thông. Bề cấp xây gạch bê tông không nung mác 100, trên đây tấm nắp BTCT. Tuyến chính (mặt cắt 2-2 và 3-3) thiết kế 03 ống D110; Tuyến nhánh (mặt cắt 1-1, 2-2 và 3-3) thiết kế 02 ống D61.

#### 4.2.8. Hệ thống cây xanh:

Bố trí hố trồng cây xanh dọc tuyến, kích thước hố trồng cây 1,2m x 1,2m. Khoảng cách giữa các hố trồng cây từ 8m-12m. Riêng trường hợp tuyến đường đi qua hai nhà liền nhau thì bố trí xây một bồn trồng cây xanh ở giữa hai nhà.

### 5. Tổ chức tư vấn lập dự án:

5.1. Nhà thầu tư vấn lập dự án: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng hạ tầng Thiên Long;

- Chủ nhiệm lập dự án: KS. Nguyễn Văn Sơn;
- Chủ trì thiết kế giao thông: KS. Nguyễn Văn Sơn;
- Chủ trì thiết kế cấp, thoát nước: KS. Nguyễn Văn Sơn;
- Chủ trì thiết kế điện: KS. Nguyễn Văn Trình;
- Chủ trì lập tổng mức đầu tư: KS. Nguyễn Văn Thành

### 6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên.
- Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích sử dụng đất của dự án khoảng 3ha

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án Nhóm C
- Loại, cấp công trình chính: Công trình Hạ tầng Kỹ thuật cấp III.
- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 50 năm.

8. Số bước thiết kế: Công trình thiết kế 02 bước.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 36.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ đồng)

Trong đó:	- Chi phí bồi thường GPMB:	9.240.000.000	đồng
	- Chi phí xây dựng:	21.300.000.000	đồng
	- Chi phí thiết bị:	960.000.000	đồng
	- Chi phí quản lý dự án:	521.329.202	đồng
	- Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.503.453.006	đồng
	- Chi phí khác:	1.203.791.346	đồng
	- Chi phí dự phòng:	1.271.426.000	đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021-2023

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện;

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

Năm	Nội dung công việc	Tổng số (đồng)
2020	Chuẩn bị đầu tư.	150.000.000
2021	Chuẩn bị đầu tư, GPMB, lựa chọn nhà thầu các gói thầu; đầu tư xây dựng công trình.	10.311.000.000
2022-2023	GPMB, đầu tư xây dựng công trình; nghiệm thu bàn giao, kiểm toán, quyết toán công trình.	25.539.000.000

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tự tổ chức quản lý, giám sát dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Tờ trình số 265/TTr-KFHT ngày 20/7/2021 của Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Việt Yên.

**Điều 2.** Ban Quản lý Dự án ĐTXD huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước, Ban Quản lý Dự án ĐTXD huyện (08 bản) và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LDVP, CVTH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Bách

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 251 /HĐND-CTHĐND  
V/v chấp thuận danh mục dự án cần  
thu hồi đất, chuyển mục đích sử  
dụng đất trồng lúa năm 2021

Bắc Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Thông báo số 11/TB-HĐND ngày 02/6/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 5/2021. Ngày 02/6/2021, UBND tỉnh có Tờ trình số 232/TTr-UBND đề nghị chấp thuận danh mục dự án, công trình cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2021 từ quỹ đất dự phòng trong Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh. Sau khi xem xét Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Nhất trí điều chỉnh tên Dự án Khu đô thị phía Nam (Khu số 1), thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng (tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020) thành Dự án Khu đô thị số 1, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng.

2. Chấp thuận danh mục dự án, công trình cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2021 từ quỹ đất dự phòng trong Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh, cụ thể:

2.1. Bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện 89 dự án với tổng diện tích 315,2 ha, trong đó: Đất trồng lúa 198,9 ha, đất khác 116,3 ha; diện tích đất trồng lúa chuyển mục đích sử dụng theo điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 là 108,1 ha (có biểu số 1 kèm theo).

2.2. Bổ sung danh mục các dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi hoặc thu hồi đất theo Điều 61, Luật Đất đai năm 2013 để thực hiện 09 dự án với diện tích đất trồng lúa 4,0 ha (có biểu số 2 kèm theo).

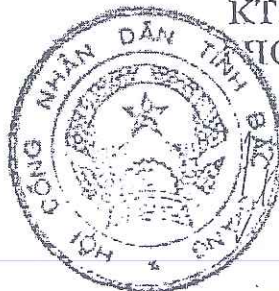
Thường trực HĐND tỉnh thông báo để UBND tỉnh tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND<sub>Đuẩn</sub>.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND

KT. CHỦ TỊCH  
MÓ CHỦ TỊCH



Lâm Thị Hương Thành



6	Khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang (thứ (bổ sung))	Quang Châu	11.000		11.000	0	Quyết định 1809/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện
7	Khu dân cư công viên Hồ Dục Quang, thị trấn Bích Động (bổ sung)	Bích Động	3.000	1.000	2.000	1.000	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện gđ 2021-2025 trên địa bàn huyện
8	Khu dân cư đường vành đai 4, thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn	Ninh Sơn	30.000	27.000	3.000	27.000	QĐ số 1802/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Việt Yên
9	Khu dân cư thôn Thượng Phúc (giai đoạn 3)	Tăng Tiến	30.000	28.000	2.000	28.000	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện
10	Khu dân cư mới dọc tuyến đường Yên Minh, thị trấn Nếnh (giai đoạn 2)	Nếnh	62.000	56.000	6.000	56.000	QĐ số 1809/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Việt Yên
11	Khu dân cư thôn Trúc Tay, Trung Đông, xã Vân Trung	Vân Trung	60.000	54.000	6.000	54.000	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện
12	Dự án GPMB, xây dựng hạ tầng khu dân cư đường Nguyễn Thế Nhỏ (giai đoạn 2)	TT Bích động	7.000	7.000	0	7.000	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện
13	Dự án GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; hạng mục khu dân cư đường Nguyễn Thế Nhỏ (giai đoạn 3)	TT Bích động	6.000	6.000	0	6.000	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện
14	Dự án GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; hạng mục khu dân cư đường Nguyễn Thế Nhỏ (giai đoạn 4)	TT Bích động	8.000	8.000	0	8.000	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện
15	Dự án khu dân cư đường vành đai 4, Thị trấn Nếnh (Khu 1)	TT Nếnh	29.000	22.000	7.000	22.000	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện
16	Khu đô thị số 7 trên đường 295B	thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên	150.000	95.000	55.000	95.000	QĐ 345/QĐ-UBND ngày 25/2/2021 của UBND tỉnh
17	Khu dân cư Sơn Hải, xã Trung Sơn (bổ sung)	huyện Việt Yên	90.000	79.000	11.000	79.000	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 15/12/2000 (Tái định cư sân Golf)
18	Khu dân cư Tân Sơn, Sơn Quang (bổ sung)	xã Trung Sơn, huyện Việt Yên	50.000	50.000	0	50.000	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 15/12/2000 (Tái định cư sân Golf)

2	Cải tạo, nâng cấp tuyến ĐT 295 B, đoạn từ Nhà máy gạch Tân Xuyên đến đường Vành Dại Đông Bắc, thành phố Bắc Giang	P. Xương Giang	3.000	0	0	3.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Cải tạo mở rộng đường giao thông và xây dựng hệ thống kênh mương từ Mai Cao đến ngã ba đồng Lê	P. Đa Mai	400	400	0	0	0	400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	QĐ số 3626/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 v/v phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
4	Cải tạo, nâng cấp đường QL1A qua thôn Thuyền	X. Đình Trì	35.000	5.000	0	30.000	5.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
5	Trụ sở liên đoàn lao động tỉnh Bắc Giang	X. Tân Tiến	4.700	4.700	0	0	4.700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	QĐ số 1621/QĐ-TLD ngày 20/11/2020 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam phê duyệt chủ trương đầu tư
6	Dự án: Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác Bến xe khách kết hợp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Tân Mỹ	X. Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	45.000		0	45.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	QĐ 2637/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh
7	Dự án Tổng kho chứa vật tư phân bón và giống cây trồng tại CCN số II Xương Giang	P. Xương Giang, thành phố Bắc Giang	2.920	0	0	2.920	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Chấp thuận đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư số 1345008463 chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 20/01/2017
8	Khu dịch vụ Song Khê - Nội Hoàng	Xã Song Khê	60.000	25.000		35.000	25.000											QĐ 1584/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh
	<b>Tổng cộng</b>		<b>154.720</b>	<b>36.100</b>	<b>0</b>	<b>118.620</b>	<b>36.100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>VII VIỆT YÊN</b>																		
1	Mở rộng tương mãm non Vân Hà	Vân Hà	4.000	4.000	0	0	4.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	QĐ số 1797/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Việt Yên
2	Tuyến đường từ Hồ Công dự kéo dài đi đường Từ - Dương Huy	Bích Động, Trung Sơn	65.000	65.000	0	0	65.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	QĐ số 1795/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Việt Yên
3	Dự án mở rộng đường vào bãi xử lý rác thải tại xã Thượng Lan	Thượng Lan	10.000	10.000	0	0	10.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện
4	Khu dân cư Yên Ninh, Ninh Khánh, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên (bổ sung)	Nếnh	12.000			12.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện
5	Khu dân cư đường Hồ Công Dự nối dài (bổ sung)	Bích Động	9.000			9.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B thực hiện GD 2021-2025 trên địa bàn huyện



Số:681/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Việt Yên

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 09/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất; danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2021; Công văn số 251/HĐND-CTHĐND ngày 03/6/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021;*

*Theo đề nghị của: UBND huyện Việt Yên tại Tờ trình số 157/TTr- UBND ngày 13/6/2021; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 440/TTr-TNMT ngày 18/6/2021 và Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất bổ sung ngày 07/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Việt Yên tổng số 21 dự án trong danh mục kèm theo với tổng diện tích thu hồi đất là 313,7 ha (trong đó có: 236,2 ha đất trồng lúa và 77,5 ha đất khác); tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 236,2 ha.

(Có Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 bổ sung kèm theo)

**Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức:****1. UBND huyện Việt Yên:**

- Công bố công khai, rộng rãi thuyết minh và bản đồ Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2021 đã được phê duyệt theo quy định.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo nội dung đã phê duyệt bổ sung; thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả định kỳ 6 tháng/lần.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra UBND huyện Việt Yên trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

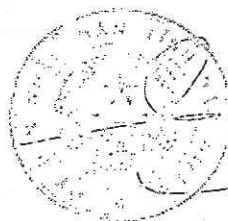
**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Việt Yên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- STN&MT (5b, lưu HS);
- UBND huyện Việt Yên (5b, lưu HS);
- VP UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TKCT;
  - + TN, ĐT, GT, XD, KT, NN;
  - + TTTT (đăng tải);
- Lưu VT, TNSN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

3	Dự án mở rộng đường vào bãi xử lý rác thải tại xã Thượng Lan	Thượng Lan	10.000	10.000	0	0	10.000	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Việt Yên; Công văn số 251/HĐND-CTHĐND ngày 03/6/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021
III	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>		<b>392.000</b>	<b>238.000</b>	<b>0</b>	<b>154.000</b>	<b>238.000</b>	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Việt Yên; Công văn số 251/HĐND-CTHĐND ngày 03/6/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021
4	Khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu (bổ sung)	Quang Châu	11.000			11.000	0	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Việt Yên; Công văn số 251/HĐND-CTHĐND ngày 03/6/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021
5	Khu dân cư đường vành đai 4, thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn	Ninh Sơn	30.000	27.000		3.000	27.000	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Việt Yên; Công văn số 251/HĐND-CTHĐND ngày 03/6/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021
6	Khu dân cư thôn Thượng Phúc (giai đoạn 3)	Tăng Tiến	30.000	28.000		2.000	28.000	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Việt Yên; Công văn số 251/HĐND-CTHĐND ngày 03/6/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021

